

VỀ BẢN THỂ LUẬN PHÁP LUẬT

VÕ KHÁNH VINH *

Tóm tắt: Bài viết làm rõ bản chất bản thể luận của pháp luật, nội dung của khái niệm hiện thực pháp luật; pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng; các hình thức tồn tại của pháp luật. Qua đó, bài viết nêu lên ý nghĩa của việc nghiên cứu các vấn đề này trong nghiên cứu triết học pháp luật hiện nay.

Từ khóa: Bản thể luận; bản thể luận pháp luật; hiện thực pháp luật; pháp luật tự nhiên; pháp luật thực chứng.

Một trong những nhiệm vụ của triết học pháp luật là tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi: bằng cách nào các quy luật phổ biến của tồn tại gắn liền với các quy luật của xã hội, trong đó có các quy luật pháp luật? Bằng cái gì các quy luật đó có tác động điều chỉnh đến tồn tại xã hội của con người?

Những vấn đề triết học pháp luật đó là rất quan trọng, bởi vì pháp luật không phải là hình thức đặc thù của tồn tại xã hội, tách biệt với các lĩnh vực xã hội khác. Pháp luật bao quát toàn bộ không gian của sự tồn tại văn minh của con người. Không gian đó trở thành không gian của hiện thực pháp luật. Do đó, không thể hiểu được hiện tượng pháp luật nói chung, nếu thiếu việc làm sáng tỏ một cách cụ thể bản chất bản thể luận của pháp luật, ý nghĩa và nội dung của khái niệm hiện thực pháp luật, sự hiểu biết các hình thức tồn tại cơ bản của pháp luật. Bài viết này tìm hiểu những vấn đề nêu trên.

1. Bản chất bản thể luận của pháp luật

Con người đã và đang thường xuyên theo dõi các sự kiện phong phú, đa dạng của sự xuất hiện và biến mất của các hiện tượng tự nhiên và xã hội, sự xuất hiện của những hiện tượng nào đó từ cái không tồn

tại hoặc sự biến mất của chúng vào cái không tồn tại. Những sự kiện đó bao giờ cũng làm cho con người quan tâm và làm phát sinh các câu hỏi: cái gì cần phải có hoặc không cần phải có; cái gì là tồn tại và cái gì là không tồn tại; sự khác nhau của chúng được thể hiện ở đâu?; cái gì đang tồn tại và cái gì có thể tồn tại?; bản chất của sự vật là như thế nào và các điều kiện tồn tại của chúng là như thế nào?

Trong quá trình tìm kiếm câu trả lời cho những vấn đề đó và những vấn đề khác định hướng tư duy triết học về sự tồn tại nói chung - bản thể luận - học thuyết về sự tồn tại đã được hình thành. Các phạm trù của tồn tại và không tồn tại, bao trùm vũ trụ, tự nhiên, xã hội, con người, văn hóa là những khái niệm cơ bản của bản thể luận.

Từ quan niệm của bản thể luận tồn tại được hiểu như thế nào?

Tồn tại là thuộc tính chung của mọi sự vật, còn khái niệm tồn tại ghi nhận thuộc tính đó của chúng với tư cách là dấu hiệu nền tảng, đầu tiên, không đề cập đến các phẩm chất riêng, đặc thù khác. Tồn tại hoặc đang ở trong tồn tại có nghĩa là đối

(*) GS.TS. Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, kiêm Giám đốc Học viện Khoa học xã hội.

với sự vật, tổ chức, chủ thể, mọi hiện thực: thứ nhất, tồn tại một cách đơn giản, hiện có một cách tách biệt với toàn bộ cái khác; thứ hai, tồn tại cùng với tất cả những cái khác; thứ ba, tồn tại trong sự tác động lẫn nhau với những hiện thực khác; thứ tư, tồn tại trong sự thống nhất với cái tổng hợp, chỉnh thể toàn thể giới. Do đó, *tồn tại ở nghĩa rộng của từ này được hiểu là khái niệm chung tối đa về sự tồn tại, về sự sinh tồn nói chung*. Tồn tại và hiện thực là những khái niệm bao quát nhất - đồng nghĩa với nhau. Tồn tại là tất cả những gì đang có.⁽¹⁾

Thoạt nhìn có thể thấy rằng những vấn đề bản thể luận rất cách xa với những vấn đề thông thường được các nhà luật học - thực tiễn và các nhà luật học - lý luận giải quyết. Tuy vậy, chúng chứa đựng yếu tố bản thể luận. Đằng sau mọi vấn đề cái gì là pháp luật trong từng trường hợp cụ thể đều hiện có vấn đề nền tảng: “cái gì là pháp luật với tư cách như vậy?”.

Vấn đề đó mang tính chất triết học, bởi vì tính vĩnh cửu và “tính không giải quyết được” của nó chứng minh điều đó. Như vậy, pháp luật được hình dung như khách thể đặc biệt chưa nhận thức được.

Vấn đề phức tạp nhất về bản chất của pháp luật được chuyển thành vấn đề: cái gì có nghĩa là “tồn tại” đối với pháp luật nói chung, tức là pháp luật sống ở đâu: Ở thế giới bên ngoài hay ở trong kinh nghiệm của nhân loại? Nói cách khác, pháp luật thuộc về kiểu hiện thực nào? Nhà triết học pháp luật người Đức A. Kaufman viết rằng: “vấn đề... bản thể luận pháp luật cần làm rõ: bằng phương thức nào pháp luật có liên quan với tồn tại..., nói gọn lại: pháp luật là gì trong cơ cấu bản thể luận của mình, trong bản chất

của nó”⁽²⁾.

Để con người định hướng được trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, con người cần phải xuất phát từ sự cảm giác được hiện thực của lĩnh vực đó. Sự cảm giác đó có được cả thông qua việc mô tả lý luận về lĩnh vực đó lẫn thông qua kinh nghiệm thực tiễn, nó giúp hiểu biết, nhận thức được cái gì xảy ra với khách thể đó và cần phải làm cái gì.

Vấn đề xác định kiểu hiện thực pháp luật đã trở thành vấn đề cấp bách trong triết học pháp luật ở đầu thế kỷ XX. Vấn đề đó đã gắn liền chặt chẽ với vấn đề cơ bản của phương pháp luận khoa học thời kỳ đó là: hiện thực nói chung là như thế nào và hiện thực được khoa học công nhận hoặc tạo ra liên quan như thế nào với hiện thực được gọi là hiện thực kinh nghiệm. Sự đa dạng của các cách tiếp cận phương pháp luận trong triết học pháp luật làm cho vấn đề đó trở nên gay gắt hơn.

Vấn đề về tính đặc thù của hiện thực pháp luật và về cơ cấu bản thể luận của pháp luật là vấn đề cơ bản của bản thể luận pháp luật, bởi vì đó là sự biến dạng của vấn đề cơ bản của triết học. Đối với pháp luật - đó là vấn đề vì sao pháp luật tồn tại như tồn tại nào đó, khác với các tồn tại khác, và như nó có thể có?

Quan niệm về hiện thực pháp luật (“bức tranh thế giới pháp luật”) cần phải đặt ra cho mình *hình ảnh của pháp luật*, được hình dung trong ý thức pháp luật đang tồn tại. Quan niệm đó được hình thành từ sự tác động lẫn nhau của những yếu tố sau:

⁽¹⁾ Xem: Bachinin V.A. Triết học pháp luật và tội phạm. Kharkov. 1999. tr.49-88.

⁽²⁾ Xem: Maksimov S.I. Bản chất bản thể luận của pháp luật. tr.186.

1, Các lý luận thuộc những trình độ khác nhau, trong đó có trình độ triết học, cũng như hệ tư tưởng pháp luật, bao gồm sự thể hiện của nó trong Hiến pháp hiện hành;

2, Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc các trình độ điều chỉnh pháp luật khác nhau;

3, Kinh nghiệm thông thường liên quan với các biểu hiện của đời sống pháp luật - các vi phạm pháp luật, thực tiễn tuân thủ các quyền con người và các thỏa thuận v.v... và kinh nghiệm cho phép xây dựng các giả định, giả thuyết và cảm thấy cái gì đã diễn ra trong các biểu hiện nói trên và diễn ra trên thực tế.

2. *Hiện thực pháp luật*

Hiện thực pháp luật được hiểu là gì?

Người ta phân biệt nghĩa “rộng” và nghĩa “hẹp” của khái niệm hiện thực pháp luật. Ở nghĩa rộng, hiện thực pháp luật được hiểu là tổng thể các hiện tượng pháp luật: các quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật, các quan hệ pháp luật hiện có, các quan niệm pháp luật, các hiện tượng của tâm thức pháp luật (tổng thể các quan niệm thế giới quan pháp luật) v.v... Ở nghĩa hẹp, hiện thực pháp luật được hiểu chỉ là các hiện tượng pháp luật nền tảng, còn các hiện tượng pháp luật còn lại được xuất phát từ các hiện thực đó và khi đó hiện thực pháp luật được hiểu ở trong các xu hướng và các trường phái khoa học khác nhau được nhận thức hoặc là các quy phạm pháp luật (chủ nghĩa thực chứng), hoặc là các quan hệ pháp luật (định hướng xã hội học), hoặc là các “xúc cảm” pháp luật (định hướng tâm lý học). Các quy phạm pháp luật do quyền lực nhà nước thiết lập (chủ nghĩa thực chứng), các quan hệ xã hội khách quan (chủ nghĩa khách quan), tư tưởng, hoặc ý

nghĩa của pháp luật (chủ nghĩa chủ quan), sự tác động tư tưởng lẫn nhau của các chủ thể được khách quan hóa trong ngôn ngữ (tương tác chủ quan) cũng thuộc các hiện tượng nền tảng.

Cho dù các nghĩa “rộng” và “hẹp” của khái niệm “hiện thực pháp luật” được phân biệt với nhau, nhưng cũng không được đối lập tuyệt đối chúng với nhau, bởi vì bức tranh chung của hiện thực pháp luật sẽ phụ thuộc vào việc cái gì được tiếp nhận với tư cách là hiện tượng nền tảng. Do vậy, rõ ràng quan niệm có căn cứ và có triển vọng nhất là *quan niệm liên kết về hiện thực pháp luật*, quan niệm được hiểu là thế giới pháp luật được hình thành từ các hiện tượng pháp luật đã được trật tự hóa tùy thuộc vào quan hệ với hiện tượng nền tảng hoặc là “hiện thực thứ nhất” của pháp luật.⁽³⁾

Hiện thực pháp luật không phải là một bộ phận thực thể nào đó của hiện thực, mà là một phương thức tổ chức và giải thích những phương diện nhất định của đời sống xã hội, của tồn tại của con người. Nhưng phương thức đó là rất quan trọng vì thiếu nó thì chính xã hội loài người sẽ bị tan rã. Do vậy, chúng ta hình dung nó như là phương thức đang tồn tại thực tế. Ở đây, đã có sự khác nhau giữa sự tồn tại pháp luật với sự tồn tại của chính các khách thể xã hội. Vì rằng, thế giới pháp luật - đó là thế giới của sự cần phải có, chứ không phải thế giới của sự tồn tại. Như vậy, việc tìm hiểu những vấn đề phương pháp luận và thế giới quan luật học của phạm trù “hiện thực pháp luật” cho phép

⁽³⁾ Xem: Maksimov S.I. Bản chất bản thể luận của pháp luật. Những vấn đề pháp chế - Kharkov. 2000. tr.186.

xem xét pháp luật không đơn giản với tư cách là hiện tượng được xây chồng thêm (quan hệ xã hội, chế định, hình thái ý thức xã hội), mà là thế giới đặc biệt, lĩnh vực tự trị của sự tồn tại của con người có logic riêng và các tính quy luật của mình mà không thể không cân nhắc. Như vậy, ý nghĩa của vấn đề hiện thực pháp luật thể hiện ở việc làm sáng tỏ vấn đề về sự tồn tại của pháp luật, tức là về tính bám rễ sâu của nó trong sự tồn tại của con người.

Đồng thời cần phải cân nhắc tính đặc trưng của bản thể luận của pháp luật, bởi vì tồn tại pháp luật - đó là "sự tồn tại - cái cần phải có". Pháp luật - đó là lĩnh vực của cái cần phải có, tức là của cái không có ở ý nghĩa quen thuộc, nhưng hiện thực của nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với con người.

Cái gì là *cơ sở bản thể luận* của pháp luật, hoặc vì sao pháp luật bị ràng buộc bởi nguồn gốc của mình? Hoàn toàn rõ ràng là nền tảng của pháp luật không thể là bản chất và các quy luật của nó hoặc là vũ trụ nói chung, cho dù hiện nay có những ý định làm phục sinh những quan niệm đặc trưng cho thời cổ đại về các nền tảng vũ trụ của pháp luật.⁽⁴⁾

Pháp luật là hiện tượng ở ngoài giới tự nhiên, và không thể tìm được bất kỳ những cơ sở nào của pháp luật trong giới tự nhiên. Giới tự nhiên - đó là vương quốc của các khách thể, còn pháp luật - đó là lĩnh vực của chủ thể. Trong trường hợp như vậy có thể coi xã hội là cơ sở thực thể của pháp luật? Cho dù pháp luật chỉ xuất hiện trong xã hội, gắn liền với xã hội và ngay cả có bản chất xã hội, nhưng bản chất đó không của chính pháp luật, mà là của các biểu hiện của nó. Do đó, nói về cơ sở thực thể nào đó của pháp luật là không

có ý nghĩa. Tuy vậy, cái đó không có nghĩa rằng pháp luật không bám rễ trong tồn tại của con người. Hiện thực pháp luật được biểu hiện trong phương diện như vậy của tồn tại của con người, sự tồn tại chứa đựng các yếu tố của cái cần phải có, khi con người giao tiếp với sự tồn tại của con người khác và sự cùng tồn tại đó có nguy cơ chuyển hướng bằng sự chuyên quyền. Do đó, không phải mọi sự tác động lẫn nhau của con người đều là cơ sở của pháp luật, mà chỉ là sự tác động lẫn nhau chứa đựng các yếu tố của cái cần phải có để hạn chế sự chuyên quyền đó. Sự tác động lẫn nhau của các chủ thể là cơ sở, nền tảng của pháp luật không phải ở nghĩa thực thể, mà là ở nghĩa tư tưởng xã hội, ở nghĩa chủ quan. Thế giới chủ quan, tức là thế giới của pháp luật và của đạo đức chỉ có thể có trong trường hợp, nếu như tuân thủ ít nhất hai điều kiện sau đây:

Thứ nhất, sự thừa nhận tự do ý chí, tức là thừa nhận khả năng đầy đủ nhất của từng người thể hiện bằng cách này hay bằng cách khác và trong sự phù hợp với điều đó thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ đạo đức hoặc pháp lý của mình; trong khi đó đối với pháp luật đòi hỏi đó là rất có ý nghĩa.

Thứ hai, sự thừa nhận khả năng mang tính nguyên tắc của quy phạm về cái cần phải có, tức là thừa nhận tiêu chuẩn của cái thiện và của cái ác, của công bằng và không công bằng, tiêu chuẩn đòi hỏi phải thực hiện như vậy, chứ không thể khác và trong sự phù hợp với điều đó tiêu chuẩn đánh giá các hành vi của con người là thiện hay là ác, công bằng hay không công bằng.

⁽⁴⁾ Xem: Permjakov jn.E. Các bài giảng về triết học pháp luật - Samara 1995. tr.120.

Các tiền đề của sự tự do của con người và của quy phạm của cái cần phải có tạo thành cái tối thiểu logic của hiện thực chủ quan. Mối liên hệ giữa chúng được thể hiện như sau: nếu như con người không được tự do, thì anh ta không chịu trách nhiệm về các hành vi của mình, và nếu anh ta không chịu trách nhiệm về các hành vi của mình, thì không thể nói về bất kỳ các quy phạm chủ quan nào. Con người với tư cách là thực thể có lý trí và tự do - nhưng đồng thời cũng là thực thể phục tùng pháp luật. Nhưng con người còn phục tùng các quy luật của lĩnh vực chủ quan, đạo đức và của lĩnh vực bản thể luận kinh nghiệm, nhân quả. Đó là hai hiện thực trong đó con người đang sống và từ quan điểm của chúng các hoạt động của nó được xem xét.

Trong phạm vi của hiện thực chủ quan, tội phạm - đó là sự vi phạm quy phạm của cái cần phải có bởi ý chí tự do, quy phạm đòi hỏi mọi người giữ để không thực hiện những hành vi nhất định, tức là chính người phạm tội đeo mặt nạ của cá nhân có đạo đức, cá nhân có ý chí tự do và được ràng buộc bởi quy phạm chủ quan; dưới cái mặt nạ đó, mọi người và từng người được nâng lên chiều cao giống nhau - họ được thừa nhận được tự do như nhau. Ở đó thể hiện sự vĩ đại của pháp luật. Chính từ quan niệm của hiện thực kinh nghiệm mang tính bản thể luận, nơi tất cả đều phục tùng tính quyết định nhân quả, người phạm tội - là nô lệ của bản chất sinh học và của các hoàn cảnh, và do đó ở đây không có chỗ cho ý chí tự do. Khả năng nhìn nhận thế giới không chỉ từ quan điểm của nguyên nhân và hậu quả mà còn từ quan điểm về tầm quan trọng (giá trị, ý nghĩa) của các hiện tượng của thế giới đối

với con người được triết học pháp luật nghiên cứu, triết học đó gắn liền chặt chẽ với triết học đạo đức. Ở đây pháp luật có bản chất bản thể luận gần với bản chất của hiện thực đạo đức. Cái chung đó đặc trưng cho cả pháp luật lẫn đạo đức, là cái cần phải có.

Cái cơ bản trong hiện thực pháp luật nói chung và của từng hiện tượng pháp luật thể hiện ở phương thức biểu hiện đặc biệt - ở chỗ rằng pháp luật tác động đến con người. Đây là loại tác động đặc biệt, tức là sự tác động không theo nguyên nhân bên ngoài, mà theo sự thuyết phục bên trong. Sự tác động này thuộc lĩnh vực giá trị (ý nghĩa) khác với lĩnh vực của các biểu hiện kinh nghiệm xã hội.

Ở đây, chúng ta có mối quan hệ với logic đặc biệt - logic chủ quan, và tương ứng với điều đó, các phương pháp nhận thức cần phải đặc biệt, các phương pháp khác với các phương pháp được áp dụng trong nhận thức thế giới kinh nghiệm, bởi vì các phương pháp đó chứa đựng cả các yếu tố nhận thức và yếu tố đánh giá. Trong mối liên hệ với điều đó, người Thẩm phán cần giải quyết vụ việc, trước hết, ở trong các phạm trù của tính chủ quan - của ý chí tự do, của việc buộc tội, của việc chịu trách nhiệm v.v..., sau đó ở trong các phạm trù bản thể luận kinh nghiệm - của tính di truyền, của môi trường xã hội, v.v..., và không được thay cái thứ nhất bằng cái thứ hai.

Như vậy, ở mức độ bản chất, pháp luật là hiện thực tư tưởng của các quan hệ giữa mọi người. Hiện thực đó là một loại tồn tại đặc biệt - loại tồn tại tư tưởng mà bản chất của nó là cái cần phải có (và lĩnh vực cần phải có đó xác nhận con người với tư cách là con người). Các ý

nghĩa của pháp luật cũng được thể hiện trong các mục đích, các tư tưởng và các lý luận, trong hình thức dấu hiệu tượng trưng của các quy phạm và của các chế định, trong các hành vi và các quan hệ của con người, tức là trong các biểu hiện khác nhau của hiện thực pháp luật.

Việc xem xét pháp luật ở phương diện bản thể luận đòi hỏi phải phân tích cơ cấu của nó, hoặc nói cách khác, trả lời câu hỏi: thể giới pháp luật được xây dựng như thế nào, nó được hình thành từ những cấu trúc như thế nào, nói chính xác hơn, nó cần phải được xây dựng như thế nào để phù hợp với ý nghĩa của mình - bảo hộ, bảo đảm và bảo vệ con người. Vấn đề này là đối tượng của việc phân tích tiếp theo dưới đây.

3. Pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng

Các tiền đề lịch sử tồn tại trước khi pháp luật được hình thành với tư cách là một khoa học độc lập chứng minh rằng: tư duy triết học về hiện thực pháp luật được bắt đầu từ việc phân chia pháp luật thành pháp luật tự nhiên (*Jus naturale*) và pháp luật thực chứng (*Jus civile*). Chính sự thống nhất của mâu thuẫn tạo thành cơ cấu của hiện thực pháp luật. Ở đây chúng ta gặp phải sự giải thích mang tính nhị nguyên luận về cơ cấu của pháp luật, sự giải thích được các nhà triết học người Nga I. Il'in, V. Solovev và các nhà triết học khác ủng hộ. Trong số các nhà triết học pháp luật phương Tây A. Kaufman cũng có quan điểm tương tự. Quan điểm của ông về “cơ cấu bản thể luận của pháp luật” được xây dựng dựa trên sự hợp nhất tính hợp pháp thực chứng quy phạm với sự công bằng pháp luật tự nhiên. Sự khác biệt giữa bản chất và sự tồn tại của pháp

luật được thể hiện trong cơ sở của cơ cấu của pháp luật.

Chính sự phân chia pháp luật thành pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng nhằm tìm kiếm các cơ sở của pháp luật trong đời sống tự nhiên của mọi người, “trong bản chất con người của sự tồn tại của họ”. Khi đưa ra sự đánh giá như vậy về pháp luật tự nhiên cần phải cân nhắc rằng, phạm trù đó với các đặc điểm và các đặc trưng mà nó đã được miêu tả trong khoa học từ thời cổ đại là hiện tượng nhiều phương diện và được khoa học giải thích khác nhau.

Ở thời Cổ đại, giới tự nhiên nói chung được coi là nguồn gốc của pháp luật hiện thực, trong thời Trung cổ Cơ - đốc giáo, tính sáng suốt thần thánh của Đấng tạo hóa được coi là nguồn gốc của pháp luật, trong thời đại Mới, sự hoàn thiện trí tuệ của con người với tư cách trí tuệ lớn lao nhất từ những sáng tạo của giới tự nhiên được coi là nguồn gốc của pháp luật. Việc phân tích lịch sử tư tưởng triết học pháp luật cho phép phân biệt hai cách tiếp cận cơ bản đến việc nhận thức pháp luật tự nhiên và mối tương quan của nó với pháp luật thực chứng.

Từ quan điểm tiếp cận thứ nhất, pháp luật tự nhiên được hiểu là tổng thể các đòi hỏi đạo đức tiên nghiệm được đưa ra đối với pháp luật thực chứng, là cấp đánh giá mang tính chất phê phán về mặt đạo đức đối với pháp luật thực chứng từ quan điểm công bằng hoặc không công bằng của nó (Platon, Kant).

Từ quan điểm tiếp cận thứ hai, pháp luật tự nhiên được hiểu là cơ sở tất yếu và bất di bất dịch của pháp luật hiện hành (các văn bản pháp luật hiện hành), không tồn tại ở bên ngoài nó, tức là các nguyên

tắc tự nhiên được tìm thấy bên trong pháp luật hiện hành, pháp luật được tư duy với tư cách là tư tưởng siêu giới tự nhiên của pháp luật được thực hiện trong lịch sử (Aristotel, Hêghen).

Như vậy, với sự đa dạng của các cách tiếp cận đến vấn đề được xem xét, với sự rõ ràng đầy đủ, *có thể phân biệt pháp luật tự nhiên với tư cách là phạm trù thuộc trật tự phương pháp luận và pháp luật tự nhiên với tư cách là sự việc thực tế của hiện thực xã hội.*

Sự phân biệt nói trên, ở một chừng mực nào đó, mang tính chất có điều kiện, bởi vì ý nghĩa phương pháp luận của pháp luật tự nhiên được dựa vào vai trò hiện thực của nó với tư cách là hiện tượng thực tế trong đời sống của xã hội.

Việc xem xét pháp luật tự nhiên với tư cách là phạm trù phương pháp luận cho phép xác định, trước hết, cách tiếp cận chung đến các hiện tượng của hiện thực pháp luật. Cái nhìn triết học đối với các hiện tượng pháp luật - đó là việc xem xét các hiện tượng đó dưới quan điểm của pháp luật tự nhiên.

Cách tiếp cận pháp luật tự nhiên đến các hiện tượng của hiện thực pháp luật đem đến cái gì? Từ quan điểm của pháp luật tự nhiên, giá trị cơ bản của cách tiếp cận đó thể hiện ở chỗ nó cho phép làm sáng tỏ các cơ sở nền tảng của pháp luật. Thực chất của tư tưởng của pháp luật tự nhiên thể hiện ở chỗ cùng với pháp luật do con người xây dựng nên và được thể hiện trong các đạo luật (pháp luật thực chứng) còn tồn tại pháp luật tự nhiên - tổng số các đòi hỏi được sinh ra trực tiếp từ trong cơ sở xuất phát của mình, không có bất kỳ sự tham gia nào của con người bởi chính đời sống xã hội, bởi các điều kiện khách quan

của hoạt động sống của con người, tức là bởi tiến trình tự nhiên của sự vật. Các quy phạm của pháp luật tự nhiên bảo vệ các quyền con người, các quyền được quyết định bởi các đặc điểm thuộc bản chất của con người. Đó là quyền sống, quyền duy trì nòi giống, quyền giao tiếp, quyền tự khẳng định mình, quyền sở hữu, quyền bảo vệ danh dự, nhân phẩm, quyền tự do ý chí, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, v.v... Các lý thuyết pháp luật tự nhiên khẳng định rằng tất cả các quyền đó là tài sản vô điều kiện của con người và đem đến cho con người bằng chính việc họ sinh ra và tồn tại với tư cách là con người.

Cách tiếp cận pháp luật tự nhiên trong xem xét các vấn đề của pháp luật có ý nghĩa quan trọng còn bởi vì các đòi hỏi của pháp luật tự nhiên có tính bất di bất dịch vô điều kiện, tính kiên quyết, tính không bị khuất phục bởi các tình huống cụ thể (trong đó có sự chuyên quyền của những con người cụ thể), tính không thoát khỏi việc gánh chịu những hậu quả tiêu cực do coi thường các đòi hỏi của pháp luật tự nhiên.

Như vậy, trên cơ sở cân nhắc nguồn gốc lịch sử của pháp luật tự nhiên cũng như trình độ khoa học đã đạt được hiện nay trong phương hướng nghiên cứu này, *có thể hiểu pháp luật tự nhiên là tổng thể các giá trị và nhu cầu xã hội của sự tồn tại của con người (tự do, bình đẳng, công bằng v.v...), cũng như tổng thể các quy phạm và các nguyên tắc tổng thể tạo nên nền tảng của tất cả các hệ thống pháp luật của nền văn minh nhân loại.*

Đồng thời, để trở thành nhân tố điều chỉnh, các quy phạm và các nguyên tắc của pháp luật tự nhiên cần phải được thể

hiện trong các quy phạm của pháp luật thực chứng.

Pháp luật thực chứng thể hiện với tư cách là yếu tố khác, cần thiết và cơ bản của hiện thực pháp luật. Pháp luật thực chứng là các quy phạm được “hợp thức hóa” với tư cách là hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật được bảo đảm bởi sức mạnh của Nhà nước trong một giai đoạn lịch sử nhất định⁽⁵⁾.

S.Alekseev đưa ra đặc điểm chung hơn của pháp luật thực chứng như sau: “pháp luật thực chứng - đó là cái điều chỉnh quy phạm nhìn thấy được về mặt thực tế (và do đó là “thực chứng”), hiện thực, tồn tại trong các đạo luật, các tài liệu pháp luật khác, trên cơ sở của cái điều chỉnh đó hành vi cho phép về mặt pháp lý và hành vi không cho phép về mặt pháp lý được xác định và các quyết định mang tính quyền lực - mệnh lệnh, bắt buộc về mặt pháp lý do các Thẩm phán và các cơ quan nhà nước khác đưa ra⁽⁶⁾”.

Trong hai trường hợp nói trên, pháp luật thực chứng được xem xét với tư cách là sản phẩm nhân tạo của nền văn minh, với tư cách là sự biểu hiện của ý chí quyền lực của các chủ thể xã hội cụ thể, mà trước hết là của Nhà nước.

Pháp luật thực chứng cấu thành chế định tồn tại dưới dạng các chế định đã được khách quan hóa bên ngoài, các quy phạm pháp lý đã được hình thức hóa được thể hiện trong đạo luật, các tài liệu quy phạm pháp luật, các tài liệu mang tính bắt buộc khác.

Như tất cả các hiện tượng của nền văn minh, pháp luật, một mặt, mang trong mình gánh nặng của những khả năng tiềm tàng mang tính chất tiêu cực (khả năng pháp luật phục tùng sự chuyên

quyền của quyền lực nhà nước, của các lợi ích nhóm, ích kỷ, cục bộ) và mặt khác có những ưu việt nhất định.

Ưu việt chính của pháp luật thực chứng thể hiện ở chỗ, như mọi yếu tố quan trọng của xã hội trong nền văn minh, pháp luật là cái điều chỉnh mang tính giá trị - quy phạm. Pháp luật ở dạng chung nhất đó điều chỉnh hành vi của con người, điều chỉnh các quan hệ được hình thành trong xã hội. Hơn nữa, cái điều chỉnh đó, một mặt, có tính chất *quy phạm* được thể hiện ở chỗ gồm có các biện pháp quy phạm và các cơ chế điều chỉnh các quan hệ xã hội pháp luật được dùng để đưa các cơ sở, nền tảng của tính có trật tự thống nhất, tính được thừa nhận chung vào đời sống của mọi người, mặt khác, pháp luật có tính chất giá trị, vì rằng, khi đưa ra các cơ sở, nền tảng đó vào đời sống, pháp luật tự mình đưa ra sự đánh giá đối với các hiện tượng và quá trình của đời sống xã hội và do vậy là cơ sở để tác động, hoạt động, sống “theo pháp luật” và thừa nhận các hành vi này hay các hành vi khác của con người với tư cách là các hành vi được thực hiện “không theo pháp luật”.

Thuộc tính có ý nghĩa quan trọng nhất của pháp luật thực chứng là tính được Nhà nước bảo đảm, tức là sự bảo đảm cao nhất cho sự vận hành của pháp luật, khả năng làm cho trật tự áp dụng các quyền và nghĩa vụ trở thành thực tế (với sự trợ giúp của quyền lực nhà nước, của sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước).

Các thuộc tính nói trên của pháp luật thực chứng có khả năng ở mức độ này hay

⁽⁵⁾ Bachinin V.A. Triết học pháp luật và tội phạm. Kharkov. 1999. Tr.122.

⁽⁶⁾ Alekseev. S. S. Triết học pháp luật. Mátxcova. 1997. tr.18.

mức độ khác loại trừ được sự chuyên quyền và sự tùy tiện ra khỏi đời sống xã hội, ở một mức độ nào đó bảo đảm tính ổn định, bình yên của xã hội, loại trừ sự hỗn loạn trong hành vi của mọi người, sự chuyên quyền trong các quan hệ của cá nhân.

Trong tính tương đối của việc phân chia pháp luật thành pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng cần phải thừa nhận rằng bản chất của những vấn đề có trong sự phân loại đó là rất quan trọng và sâu sắc. Những khác biệt cơ bản giữa pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng được thể hiện như sau:

1. Pháp luật tự nhiên được coi là cái phái sinh từ trật tự tự nhiên của sự vật, tức là từ kết cấu của vũ trụ và bản chất của con người - bộ phận không thể tách rời được của trật tự thế giới. Chính pháp luật thực chứng là sản phẩm nhân tạo do con người sáng tạo nên để phục vụ cho lợi ích của tổ chức cũng do con người thành lập nên là Nhà nước. Do đó, các quy phạm của pháp luật thực chứng có thể không chỉ phù hợp với các nguyên tắc của trật tự tự nhiên của thế giới mà còn có thể mâu thuẫn với các nguyên tắc đó.

2. Bằng pháp luật tự nhiên, các quy phạm và nguyên tắc của nó mà ý thức pháp luật cá nhân gắn kết sự tồn tại của mình với các nền tảng, cơ sở tổng hợp, toàn thể ban đầu của tồn tại. Nhờ pháp luật thực chứng mà pháp luật tự nhiên gắn kết sự tồn tại của mình với Nhà nước cụ thể và các thiết chế của nó.

3. Pháp luật tự nhiên xuất hiện cùng với những mầm mống đầu tiên của nền văn minh và văn hóa nhân loại. Pháp luật thực chứng xuất hiện muộn hơn một cách đáng kể, cùng lúc với sự xuất hiện Nhà nước.

4. Các quy phạm pháp luật tự nhiên được thể hiện cả trong các tài liệu pháp luật lẫn dưới dạng các tập quán và truyền thống bất thành văn, có trong nội dung của các đòi hỏi đạo đức và tôn giáo. Các quy phạm pháp luật thực chứng bao giờ cũng đòi hỏi phải được ghi nhận thành văn dưới dạng các văn bản quy phạm đã được hợp thức hóa mang tính chất pháp lý.

5. Theo các học thuyết pháp luật tự nhiên, các quyền con người: quyền sống, quyền tự do, quyền bảo vệ nhân phẩm, danh dự, quyền sở hữu được coi là thuộc về con người từ khởi thủy và vô điều kiện. Ngay từ chính sự sinh ra của mình với tư cách là con người mỗi người đã có các quyền đó, và không ai có quyền xâm phạm các quyền đó. Theo logic pháp luật thực chứng, con người có được các tự do và các quyền từ Nhà nước - người đo lường các tự do và các quyền đó ở mức cho là cần thiết phải có, và là người có thể không chỉ trao quyền và còn tước đoạt chúng, nếu cho rằng cần thiết.

6. Pháp luật tự nhiên không bị đồng nhất với các văn bản quy phạm pháp luật. Nó đòi hỏi phải có các cơ sở đạo đức và tôn giáo, các cơ sở mở rộng và làm sâu sắc một cách đáng kể nội dung pháp lý của nó, gắn nó với nhiều giá trị của văn hóa và văn minh nhân loại. Pháp luật thực chứng đồng nhất mình với các văn bản quy phạm pháp luật và do đó có thể được coi là đặc tính của nền văn minh, chứ không phải của văn hóa.

7. Các quy phạm và các nguyên tắc của pháp luật tự nhiên có những luận chứng đạo đức, tôn giáo. Còn pháp luật thực chứng không hoàn toàn dựa vào những luận chứng đó. Nó dựa vào ý chí của Nhà

nước và tin tưởng vào tính chất cần thiết và đầy đủ của sự luận chứng như vậy.

8. Công bằng cao nhất được hiểu với tư cách là tư tưởng tổng hợp phù hợp với các nền tảng cơ bản của trật tự thế giới là giới hạn giá trị quy phạm của những khát vọng đối với pháp luật tự nhiên. Đối với pháp luật thực chứng, lợi ích của Nhà nước là giới hạn như vậy.

Vấn đề cơ cấu bản thể luận của pháp luật, việc xem xét nó từ quan điểm của tính biện chứng của pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng, về thực chất là vấn đề trung tâm trong triết học pháp luật. Cần phải giải thích vấn đề đó thông qua các phạm trù của bản thể luận: “bản chất” và “tồn tại”.

Vấn đề bản chất và tồn tại gắn liền với vấn đề đối tượng thể hiện mình như thế nào. Bản chất là tổng thể các mặt và các mối liên hệ cần thiết bên trong của sự vật. Theo Heghen, bản chất là “chân lý của tồn tại”, là sự phù hợp của sự vật với “khái niệm của mình”. Phương thức cơ bản của hoạt động, của hoạt động sống của sự vật là tồn tại. Do đó, tồn tại là phương thức thể hiện bản chất trong các thông số bên ngoài của sự vật. Vấn đề tồn tại thể hiện trước hết với tư cách là vấn đề của con người, và từng người giải quyết vấn đề đó một cách có ý thức hoặc vô thức đối với chính mình: thực hiện cho chính mình, thể hiện bản chất loài của mình như thế nào, trở thành một thực thể cần thiết chân chính, một cá nhân như thế nào. Và vấn đề con người thể hiện mình trong pháp luật như thế nào. Như vậy, bản chất của pháp luật có đặc điểm đặc trưng là sự mong muốn thực hiện, khách quan hóa trong các biểu hiện của hành vi hợp pháp

của cá nhân.

Việc xem xét cơ cấu của pháp luật từ quan điểm “bản chất” và “tồn tại” là chìa khóa để giải quyết những vấn đề cơ bản nhất như: sự luận giải về triết học - đạo đức các nguyên tắc của công bằng và cơ chế thực hiện chúng, một mặt, và mặt khác, vấn đề về mối tương quan của pháp luật và của quyền lực với tư cách là yếu tố của tính chính thống và sự hạn chế quyền lực. Yếu tố đó thể hiện trong triết học pháp luật Heghen với tư cách là điểm xuất phát của sự tự phát triển khái niệm pháp luật từ các hình thức thực hiện trừu tượng của nó đến các hình thức cụ thể hơn.

4. Các hình thức tồn tại của pháp luật

Việc phân tích hiện thực pháp luật cho phép phân ra các hình thức tồn tại của pháp luật mà trong tổng thể chúng phản ánh tính năng động của hiện thực pháp luật. Những hình thức đó là:

1. Thế giới tư tưởng: tư tưởng của pháp luật;
2. Thế giới các hình thức dấu hiệu: các quy phạm pháp luật và các đạo luật;
3. Thế giới tác động lẫn nhau giữa các chủ thể xã hội (đời sống pháp luật).

Đó là sự phân loại mang tính truyền thống và nói chung là nó tương tự (cho dù không hoàn toàn đồng nhất) với việc phân loại pháp luật thành các hình thức hoặc các mức độ tồn tại của pháp luật thành: ý thức pháp luật, các quy phạm pháp luật và các quan hệ pháp luật. Và sự thống nhất của các mức độ đó là khách thể như vậy, là pháp luật. Từng mức độ trong các mức độ đó được mô tả đầy đủ nhất trong các quan điểm triết học pháp luật tương ứng. Chẳng hạn, tư tưởng của pháp luật được thể hiện rất rõ trong các lý luận cổ điển của pháp luật tự nhiên, đặc biệt

trong các khuynh hướng chủ nghĩa chủ quan, các quy phạm pháp luật và các đạo luật được thể hiện rất rõ trong luật học phân tích (luật học thực chứng). Bàn đến mức độ thứ ba - mức độ tác động lẫn nhau giữa các chủ thể xã hội thì đó là thế giới mang tính vật chất xã hội, ở thế giới đó pháp luật đi vào thế giới hiện thực xã hội. Thế giới đó tham gia vào sự hình thành pháp luật, vào việc làm cho pháp luật có nội dung vật chất.

Pháp luật là gì? Nó là một trong những hình thức hay mức độ đó hay là tổng thể các hình thức hay mức độ đó? Cần phải tìm lời giải cho vấn đề đó trong việc bổ sung phương diện tĩnh của việc phân tích cơ cấu của hiện thực pháp luật bằng phương diện động, điều đó tạo ra khả năng nghiên cứu quá trình tự phát triển của pháp luật, sự mở rộng bản chất của nó thông qua nhiều định nghĩa. Những định nghĩa quan trọng nhất trong số đó là:

1. Những định nghĩa chung - trừu tượng (các tư tưởng và các nguyên tắc pháp luật);
2. Những định nghĩa chung - cụ thể (các quy phạm pháp luật thực chứng hình thức);
3. Những định nghĩa cụ thể - thuộc về vật chất (trước hết là các quyết định xét xử);
4. Sự thể hiện mang tính vật chất xã hội trong hành vi pháp luật thực chứng của chủ thể.

Dưới dạng ngắn gọn nhất, *cơ cấu động của hiện thực pháp luật*, với tư cách là sự tái tạo lý luận của quá trình thực hiện pháp luật, có thể được hiểu như sau:

Tư tưởng của pháp luật là cấu thành khởi điểm đầu tiên về mặt logic của hiện thực pháp luật. ở đây, không đặt ra vấn đề cái gì có trong nền tảng của tư tưởng đó:

bản chất con người, trí tuệ, trật tự khách quan của các giá trị, các quan hệ xã hội hay ý chí và sự sáng suốt của ông Trời, của Chúa. Tư tưởng của pháp luật là sự thể hiện trừu tượng, chung nhất của bản chất của pháp luật, là “bản thiết kế” hoặc nhiệm vụ của nó (“tư tưởng điều chỉnh”). Nó là phương diện tư tưởng của sự tồn tại của pháp luật.

Ở phương diện cơ cấu, tư tưởng của pháp luật đòi hỏi phải có:

1. *Sự hiện có của hợp phần chủ thể (nhân học)*, tức là tư tưởng của pháp luật chứa đựng thông tin về việc ai có thể trở thành chủ thể của pháp luật, pháp luật định hướng đến ai. Chủ thể như vậy là người biết phân biệt cái có giá trị với cái không có giá trị;

2. *Sự hiện có của hợp phần giá trị*, tức là tư tưởng của pháp luật bao gồm hệ thống các giá trị được thực hiện trong pháp luật, được thể hiện một cách liên kết trong khái niệm công bằng;

3. *Sự hiện có của hợp phần chủ quan*, tức là tư tưởng của pháp luật thể hiện dưới dạng tư tưởng cần phải có - tư tưởng thể hiện sự thống nhất của các quyền và nghĩa vụ.

Các chủ thể xây dựng pháp luật, khi nhận thức được rằng mọi người không thể hoặc không muốn tuân theo các quy phạm tôn giáo, đạo đức và ngay cả các quy phạm văn hóa đơn giản nhất, thiết lập nên mức tối thiểu các đòi hỏi có thể được duy trì với sự trợ giúp của sự cưỡng chế có tổ chức. Mức tối thiểu các đòi hỏi đó là nội dung tư tưởng của pháp luật. Nếu như tiếp nhận nó vì tư tưởng của pháp luật, thì tư tưởng đó có trước pháp luật, tức là ban đầu đã xuất hiện quan niệm về cái cần phải có -

cái cần thiết phải được quy định về định chế và khẳng định bằng sức mạnh của định chế đó, sau đó hệ thống pháp luật hiện thực mới được hình thành.

Tư tưởng của pháp luật là hiện vật của ý thức chúng ta, có ý nghĩa nhất định, thể hiện dưới dạng chung nhất yếu tố của cái cần phải có. Tư tưởng của pháp luật chỉ có hiệu lực tiềm năng, khác với pháp luật thực chứng, nhưng tính tiềm năng đó rất là quan trọng, bởi vì nó tạo ra hiệu lực quy phạm cho pháp luật thực chứng.

Yếu tố thứ hai của hiện thực pháp luật là *đạo luật (quy phạm pháp luật)*. Pháp luật thực chứng được thể hiện trước hết dưới hình thức đạo luật (tuy nhiên, không chỉ quy về đạo luật), đạo luật bao gồm các quy phạm pháp luật chung - cụ thể, các quy phạm pháp luật thực chứng - hình thức. Đạo luật là sự kip thời hóa, cụ thể hóa và hiện thực hóa các tư tưởng và nguyên tắc pháp luật, là bước chuyển trên con đường đến pháp luật cụ thể, nhưng nó chưa phải là pháp luật trong sự đầy đủ của nó. Đó là pháp luật ở một giai đoạn nhất định của sự hình thành nó. Đạo luật - đó là quy phạm chung cho rất nhiều trường hợp có khả năng có. Và nó tồn tại cả với tư cách là sự phán đoán về cái cần phải có. Đạo luật hoạt động với tư cách là văn bản luật hoặc với tư cách là hệ thống các văn bản luật (hình thức biểu hiện bên ngoài của nó) do chủ thể quyền lực quy định, có nguồn gốc trong uy tín của nhà làm luật cũng thuộc về hiện tượng học của đạo luật.

Đạo luật pháp quyền có những hình thức tồn tại khác nhau của mình: các quy phạm pháp luật, các quan hệ pháp luật, ý thức, quyền chủ thể, các thủ tục pháp lý,

các hình thức thủ tục tố tụng, quy chế pháp lý và chế độ pháp luật, hợp đồng pháp luật, khởi kiện, buộc tội v.v... Sự khác nhau giữa những hình thức đó mang đặc điểm chức năng, chứ không mang đặc điểm bản chất. Ý nghĩa của nguyên tắc bình đẳng hình thức được thể hiện, ví dụ, ở quy phạm pháp luật - dưới dạng các quy tắc hành vi của các chủ thể pháp luật; trong quan hệ pháp luật - dưới dạng các quan hệ lẫn nhau của các chủ thể bình đẳng về hình thức, tự do và không phụ thuộc nhau; trong ý thức pháp luật - dưới hình thức các thành viên của cộng đồng pháp luật đó nhận thức được ý nghĩa và các đòi hỏi của nguyên tắc pháp luật; trong quyền chủ thể - dưới hình thức thừa nhận các cá nhân (các tổ chức, các liên minh của họ) là các chủ thể bình đẳng về hình thức, tự do, không phụ thuộc nhau trong giao tiếp pháp luật; trong các thủ tục pháp luật - dưới hình thức của trật tự công bằng để tất cả các chủ thể có được và thực hiện được các quyền và nghĩa vụ, của việc giải quyết tranh chấp về pháp luật v.v... Như vậy, pháp luật tồn tại trong tất cả các hình thức pháp luật đó, nơi mà nguyên tắc bình đẳng hình thức được tuân thủ và áp dụng.

Cuối cùng, khía cạnh tiếp theo của hiện thực pháp luật - đó là *thế giới của những hoạt động xã hội*, thế giới phức tạp nhất, nhưng ít được nghiên cứu nhất từ quan điểm triết học. Quá trình tác động lẫn nhau về mặt xã hội thể hiện một giai đoạn trong thực hiện pháp luật là thi hành pháp luật. Tâm điểm của quá trình đó là chủ thể với tư cách là người chấp hành quy phạm pháp luật trong mối quan hệ của người đó với những người khác.

Các quan hệ đó có thể được thực hiện khi có các khả năng, đặc điểm nhất định của con người.

Phẩm chất cơ bản của chủ thể của pháp luật là khả năng thừa nhận các tư tưởng của pháp luật và khả năng thừa nhận về mặt ý chí tâm lý đối với quy phạm pháp luật, khi quy phạm pháp luật được coi là quy phạm hợp ý muốn hoặc không hợp ý muốn đối với chủ thể đó. Có thể phân ra ba mức độ cơ bản của quan hệ ý chí tâm lý của chủ thể đối với quy phạm pháp luật: 1, thấp - mong muốn vi phạm quy phạm; 2, trung bình - mong muốn phục tùng quy phạm (vì lý do có lợi hoặc sợ hình phạt, nói chung là thái độ trung lập); 3, cao - thừa nhận hoàn toàn giá trị được thể hiện trong quy phạm.

Chính các chủ thể xã hội, mà chính là mọi người và các liên minh của họ là “các đòn bẩy” mà nhờ chúng tư tưởng của pháp luật được thực hiện và tác động đến cuộc sống. Hành vi hợp pháp là hình thức của việc thực hiện như vậy. Thực hiện pháp luật - đó là đặc điểm có kết quả của pháp luật, và điều đó có thể được thể hiện bằng phạm trù trật tự pháp luật. Như vậy, hình thức cụ thể nhất của tồn tại của pháp luật là những hành vi và quyết định đúng đắn trong tình huống cụ thể của chính chủ thể của pháp luật.

Đó là những hình thức hoặc mức độ tồn tại của pháp luật.

5. Kết luận

1. Hiện thực pháp luật là một thế giới đặc biệt, lĩnh vực tự trị của tồn tại của con người có logic riêng của mình và các quy luật cần phải được cân nhắc. Ý nghĩa của vấn đề hiện thực pháp luật được thể hiện ở việc làm sáng tỏ pháp luật là gì (cái gì là

pháp luật).

2. Mối tương quan giữa pháp luật tự nhiên và pháp luật thực chứng với tư cách là hai hình thức đối diện, nhưng là các hình thức nhận thức pháp luật gắn liền chặt chẽ với nhau tạo thành cơ cấu của hiện thực pháp luật. Mối tương quan này được thể hiện với sự hỗ trợ của các phạm trù bản chất và tồn tại.

3. Mối tương quan của tồn tại và của sinh tồn, của bản chất của pháp luật và của các hiện tượng pháp luật là mối tương quan của nguyên tắc pháp quyền bình đẳng hình thức và các hình thức thực hiện nó. Các hình thức đó là: tư tưởng của pháp luật, đạo luật, đời sống pháp luật (hoạt động và các quan hệ) và nhiều hình thức khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alekseev S.S. Triết học pháp luật. Mátxcơva. 1997.
2. Bachinin V.A. Triết học pháp luật và tội phạm. Kharkov. 1999.
3. Kerimov d.A. Những vấn đề triết học pháp luật. Mátxcơva. 1972.
4. O.g. danil'jan chủ biên. Triết học pháp luật. Mátxcơva. 2005.
5. Tikhonravovju.V. Những cơ sở của triết học pháp luật. Mátxcơva. 1997.
6. Chetvernin V.A. Những quan niệm hiện nay về pháp luật tự nhiên. Mátxcơva. 1988.
7. Võ Khánh Vinh. *Lợi ích xã hội và pháp luật*. Nxb. Công an nhân dân, HN, 2003.
8. Võ Khánh Vinh. *Xã hội học pháp luật: những vấn đề cơ bản*. Nxb. Khoa học xã hội, HN, 2012.
9. Võ Khánh Vinh. *Triết học pháp luật: Đối tượng nghiên cứu, vị trí và chức năng*. Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 4, 2013.